

# Bà Rịa – Vũng Tàu

## 1. Vị thế và thực trạng phát triển của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

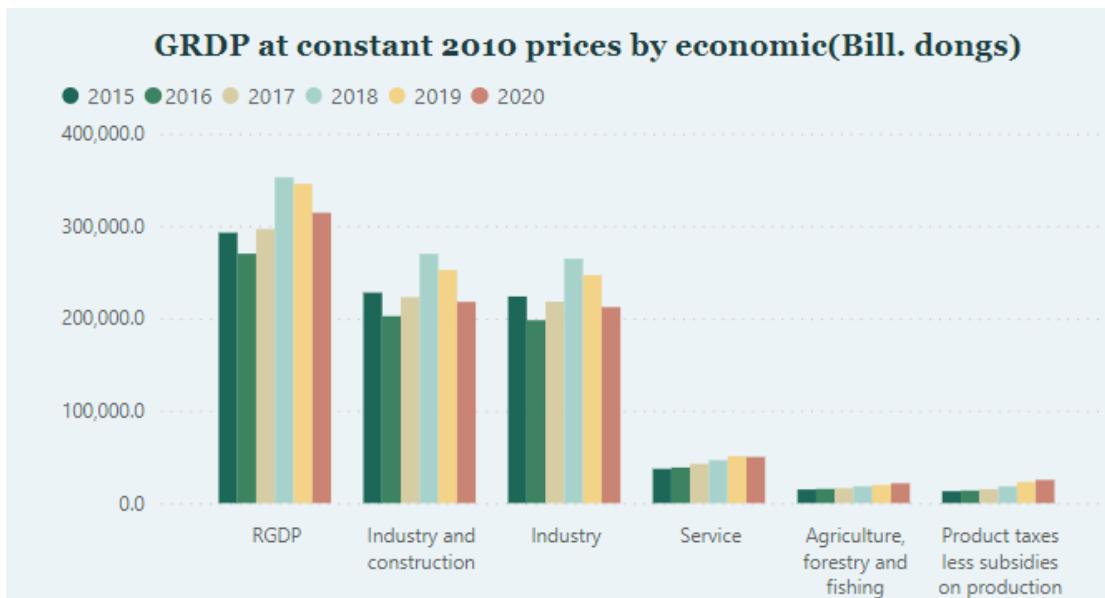


Bà Rịa - Vũng Tàu có vị trí chiến lược rất quan trọng với khu vực và cả nước về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thuộc vùng Đông Bộ thị Thành phố Hồ Chí Minh, là cửa ngõ của các tỉnh miền Đông Nam Bộ hướng ra biển Đông, có ý nghĩa chiến lược về đường hàng hải quốc tế, có hệ thống cảng biển lớn là đầu mối tiếp cận với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới với hệ thống cảng nước sâu hiện đại, là địa phương có đội tàu khai thác thủy sản lớn thứ hai, với hơn sáu nghìn phương tiện đánh bắt. Một lợi thế về tiềm năng, vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa rất đáng tự hào.

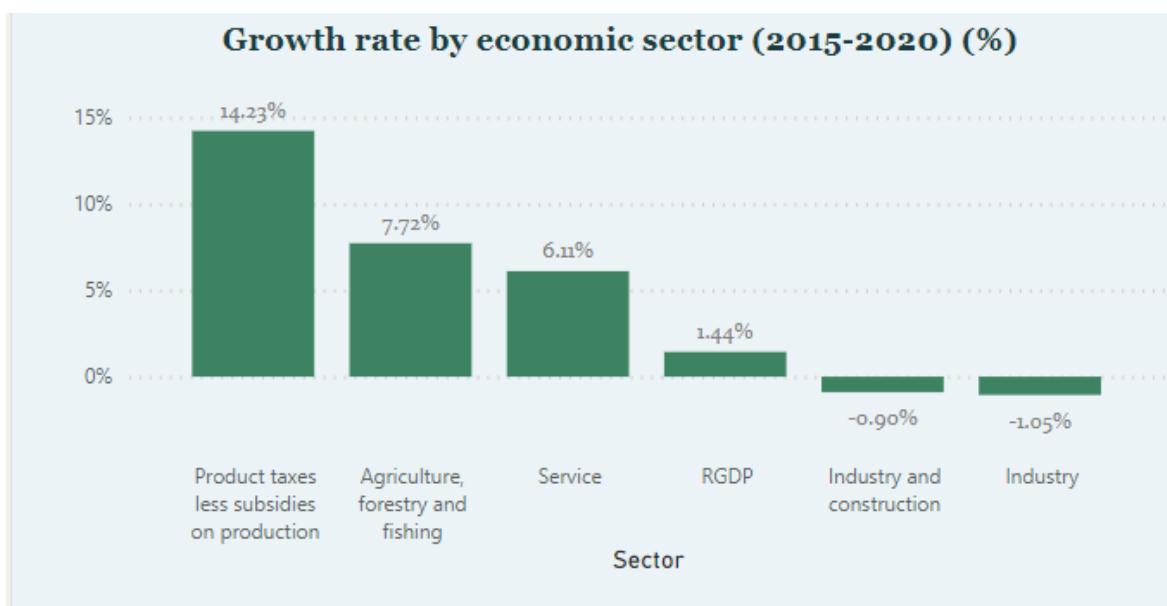
### 1.1 Phân tích GRDP

Tốc độ tăng trưởng GRDP nền kinh tế có xu hướng tăng qua các năm, bình quân thời kỳ 2015-2020 đạt 1,44%. Tuy nhiên GRDP tăng trưởng không đồng đều ở các ngành. Cụ thể, trong giai đoạn 2015 – 2020 các ngành: thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm; nông, lâm nghiệp và thủy sản; dịch vụ lần lượt tăng trưởng với tốc độ 14,23%, 7,72% và 6,11% còn ngành Công nghiệp và xây dựng giảm 0,09% trong đó ngành Công nghiệp giảm 1,05%.

**Hình: Giá trị GDP tỉnh BRVT giai đoạn 2015-2020**

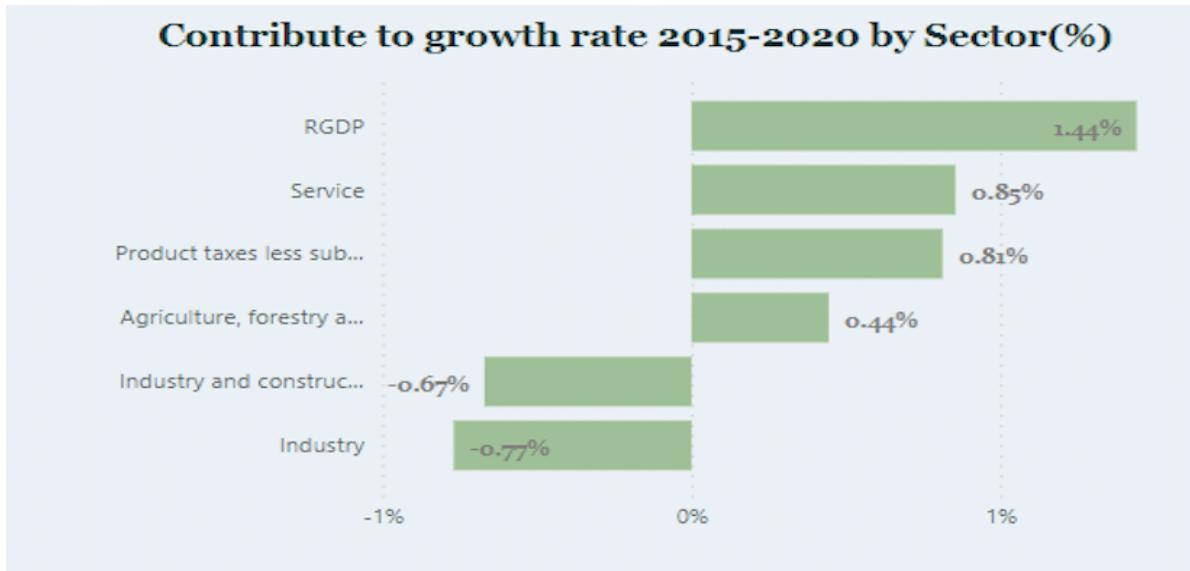


**Hình: Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2015-2020 theo ngành kinh tế.**



Mức đóng góp của các ngành vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh thời kỳ 2015-2020, cao nhất là Dịch vụ (0,85%) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP (0,81%), kế đến Nông, lâm nghiệp và thủy sản (0,44%), và thấp nhất là Công nghiệp và xây dựng sụt giảm 0,67%.

Hình: Đóng góp các ngành vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



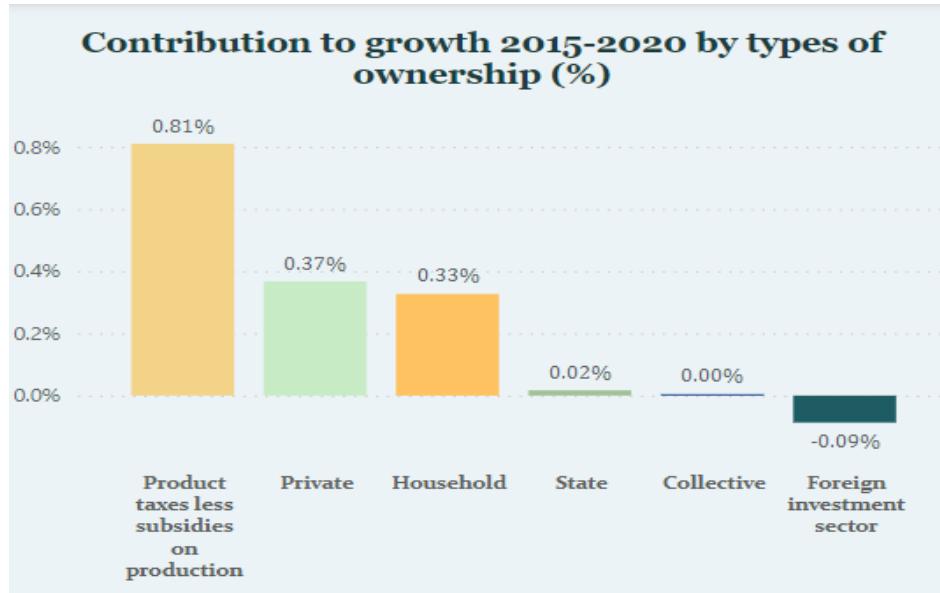
### 1.1 Đóng góp tăng trưởng kinh tế theo thành phần Kinh tế

Hình: Cơ cấu GRDP theo thành phần kinh tế năm 2015 và năm 2020.



Giai đoạn 2015-2020 có sự chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ của Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, từ 49.65% năm 2015 xuống còn 45.82%, giảm 3,83%. Cùng chiều hướng giảm, Khu vực kinh tế nhà nước cũng giảm 2,1% từ 31.78% năm 2015 xuống còn 29.68% năm 2020. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước có tăng trưởng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy nhiên không đáng kể. Khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có sự chuyển dịch mạnh từ 4.41% năm 2015 lên 7.98% năm 2020, tăng 3.57%.

**Hình: Đóng góp của các thành phần kinh tế khu vực trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài**



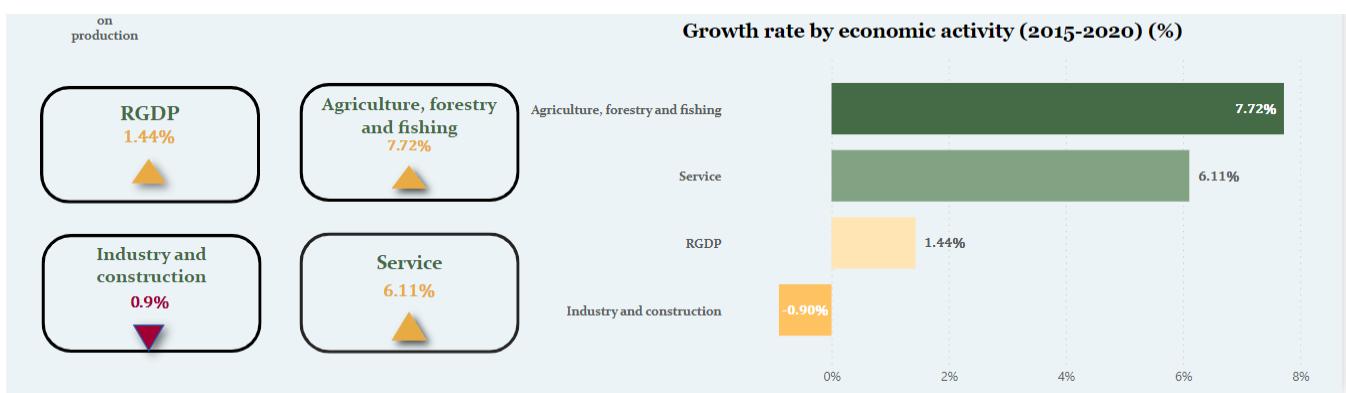
Xét mức đóng góp của các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế cùa tỉnh trong giai đoạn 2015 – 2020, cho thấy: khu vực kinh tế Nhà nước đóng góp một phần rất nhỏ vào tăng trưởng GRDP của tỉnh (0,02%). Trong khi đó khu vực Kinh tế ngoài nhà nước đóng góp gần 50% vào sự tăng trưởng kinh tế của toàn tỉnh,

trong đó kinh tế Tư nhân và cá thể có vai trò rất lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh khi đóng góp lần lượt 0.37% và 0.33% trong tổng 1.44% GRDP toàn tỉnh. Song song đó thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm cũng đóng góp hơn một nửa GRDP của tỉnh giai đoạn 2015-2020. Tuy nhiên khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại có sự sụt giảm nhẹ (0,09) trong giai đoạn 5 năm vừa qua, do đó cần có những biện pháp thúc đẩy đóng góp của khu vực này vào tổng giá trị sản phẩm của tỉnh.

## 1.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

### 1.2.1 Theo ngành kinh tế

**Hình: Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thời kỳ 2015-2020**



Giai đoạn 5 năm 2015-2020 GRDP toàn tỉnh tăng 1.44%. Trong đó ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng mạnh nhất với 7.72%, ngành Dịch vụ theo sau với 6.11%. Trong khi đó ngành Công nghiệp và xây dựng sụt giảm 0.9%.

**Bảng: GRDP theo giá hiện hành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thời kỳ 2015-2020**

| Sector                                   | 2015      | 2017      | 2018      | 2019      | 2020      | Structure |         | Increase/decrease<br>2015/2020 |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|--------------------------------|
|  |           |           |           |           |           | 2015      | 2020    |                                |
| <b>RGDP</b>                              | 292.593,3 | 296.551,1 | 352.428,4 | 345.456,1 | 314.203,2 | 100,00%   | 100,00% |                                |
| <b>Agriculture, forestry and fishing</b> | 14.780,6  | 16.083,3  | 18.100,4  | 19.659,6  | 21.441,1  | 5,05%     | 6,82%   | 1,77%                          |
| <b>Industry and construction</b>         | 227.779,7 | 222.882,2 | 269.700,4 | 252.150,3 | 217.728,4 | 77,85%    | 69,30%  | -8,55%                         |
| <b>Service</b>                           | 37.132,9  | 42.514,7  | 46.515,3  | 50.815,8  | 49.944,9  | 12,69%    | 15,90%  | 3,20%                          |

Trong giai đoạn 5 năm 2015-2020 cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch mạnh mẽ của ngành dịch vụ, tăng từ 12,69% năm 2015 lên 15,9% năm 2020, tổng tăng 3,2%. Tỷ trọng khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng nhẹ từ 5,05% năm 2015 lên 6,82% năm 2020, tổng tăng 1,77% trong 5 năm, qua đó nhận thấy tỷ trọng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đang đóng một phần nhỏ trong cơ cấu kinh tế nên tỉnh vẫn còn chú trọng phát triển khu vực này. Tỷ trọng khu vực Công nghiệp và xây dựng giảm mạnh trong giai đoạn 5 năm, từ 77,85% năm 2015 xuống còn 69,3% năm 2020, tổng giảm 8,55%.

## 2 Tóm lược thực trạng phát triển cùng các hạn chế và tồn tại ở các ngành và lĩnh vực của Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2015-2020

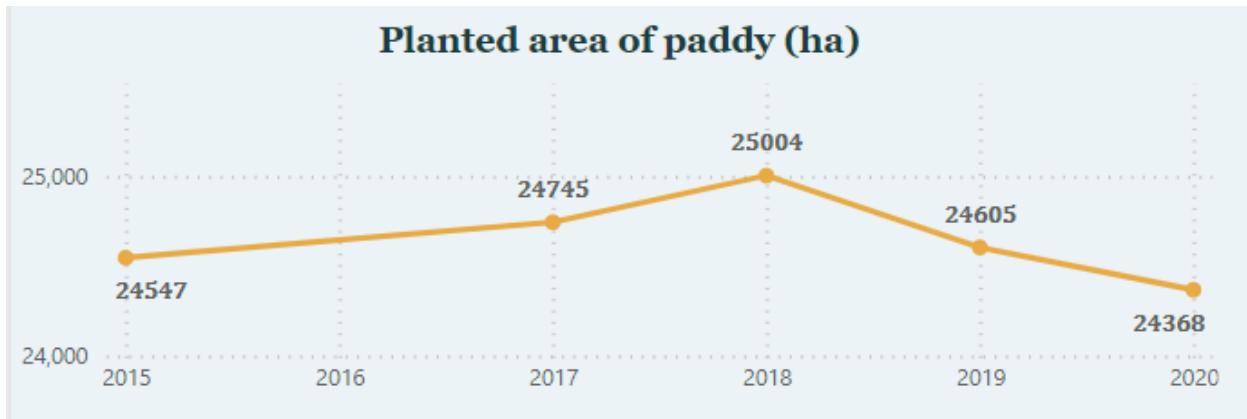
### 2.1 Trồng trọt

#### 2.1.1 Cây hàng năm:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm dần từ 61.309ha năm 2015 xuống 57.089ha năm 2020, tổng giảm 4.221ha trong 5 năm.

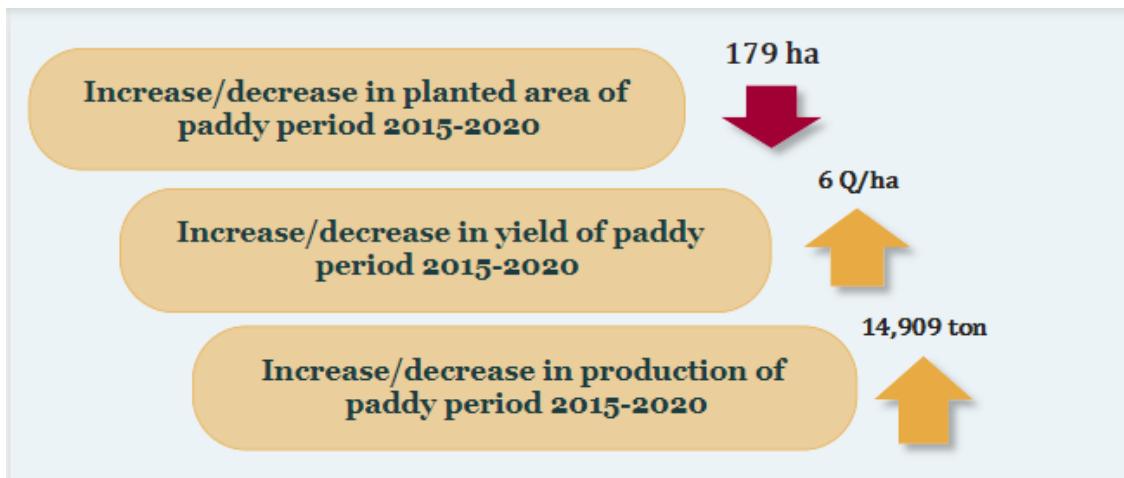
##### a) Lúa

**Hình: Diện tích lúa cả năm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020**

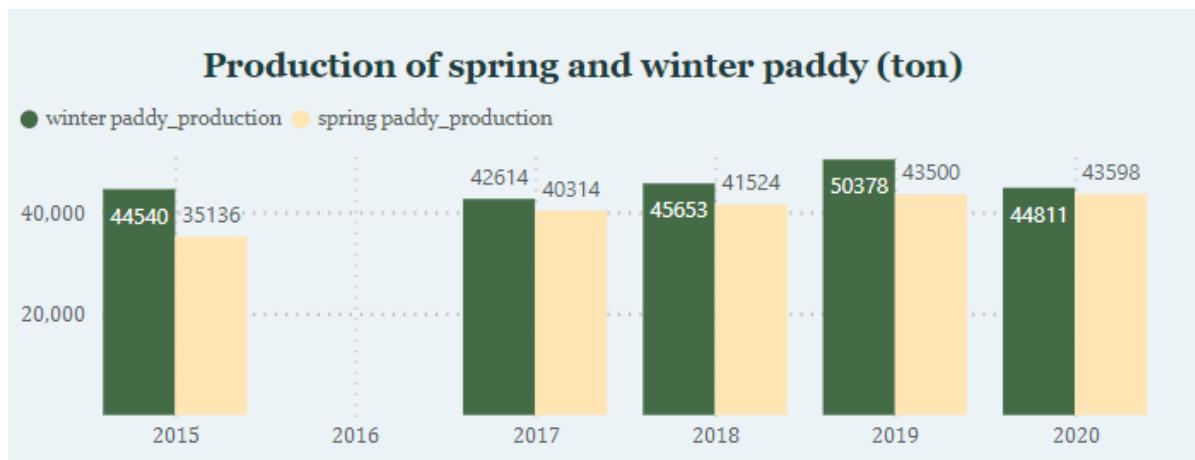


Diện tích gieo trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh có quy mô khá lớn, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo An toàn lương thực. Tuy nhiên diện tích gieo trồng đã có xu hướng sụt giảm trong giai đoạn 2015-2020, năm 2015 diện tích đạt 24.547ha đến năm 2020 diện tích đạt 24.368ha giảm 179ha. Tuy có sự sụt giảm về diện tích gieo trồng nhưng năng suất và sản lượng lúa cả năm có gia tăng, chứng tỏ nền nông nghiệp của tỉnh đã có những cải tiến tiến bộ trong sản xuất. Cụ thể trong 5 năm 2015-2020 năng suất lúa cả năm tăng 6tạ/ha và sản lượng tăng 14.909 tấn.

**Hình: chênh lệch diện tích, năng suất, sản lượng lúa cả năm tỉnh BRVT giai đoạn 2015-2020**



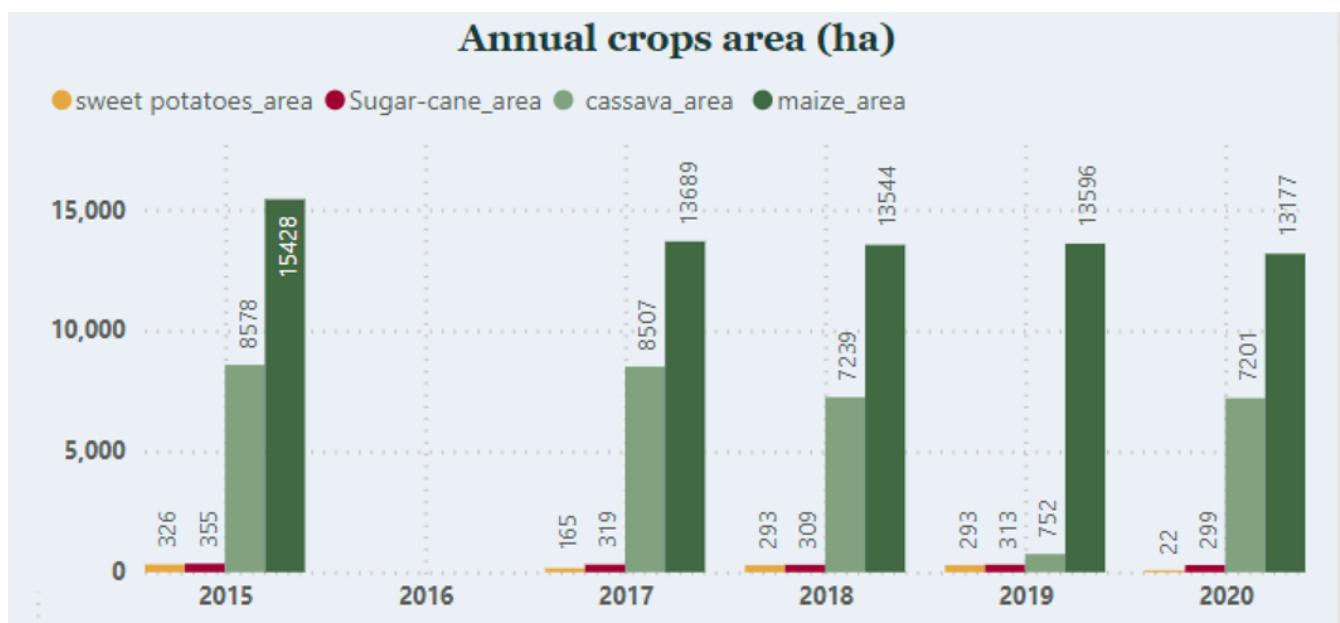
*Hình: sản lượng lúa mùa và lúa đông xuân giai đoạn 2015-2020*



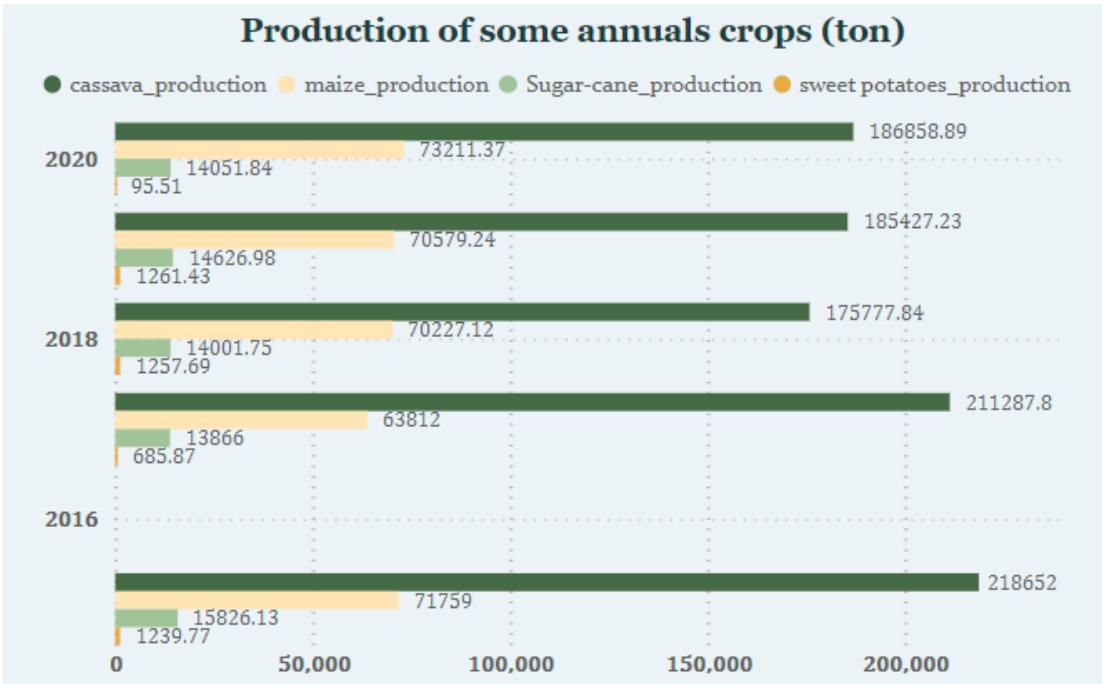
Trong giai đoạn 2015-2020, sản lượng lúa mùa trên địa bàn tỉnh luôn cao hơn sản lượng lúa vụ đông xuân

**b) Một số loại cây hằng năm khác**

*Hình: Diện tích gieo trồng một số cây hằng năm khác*



*Hình: Sản lượng một số loại cây hằng năm khác giai đoạn 2015-2020 (tấn)*



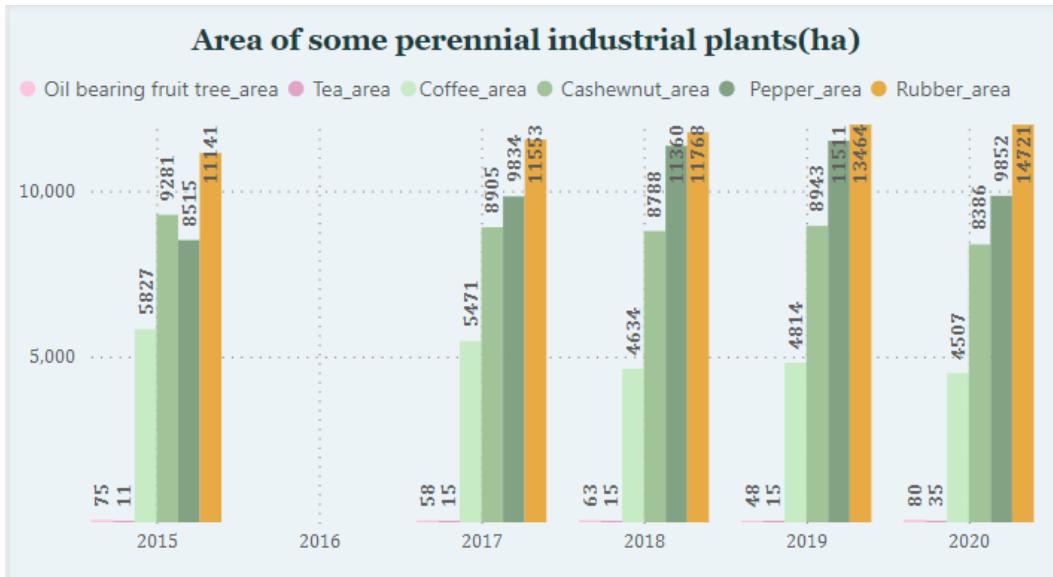
Giai đoạn 2015-2020 diện tích gieo trồng các loại cây hằng năm khác giảm đáng kể ở tất cả các loại cây trồng. Điện hình là diện tích trồng Ngô năm 2020 là 13.171 ha giảm 2.257ha, chiếm 15% diện tích năm 2020. Đáng chú ý diện tích trồng khoai lang giảm 93% kể từ năm 2015, đẩy diện tích trồng khoai lang năm 2020 chỉ còn 22ha.

Diện tích giảm kéo sản lượng cây trồng cũng giảm theo. Sắn là cây trồng cho sản lượng cao nhất trong giai đoạn 5 năm, năm 2015 sản lượng đạt 218.652 tấn đến năm 2020 chỉ đạt 186.858 tấn, giảm 14,5%. Sản lượng khoai lang – cây trồng cho sản lượng thấp nhất trong các loại cây hằng năm cũng sụt giảm đáng kể, năm 2020 sản lượng chỉ đạt 95,5 tấn, giảm 1.145 tấn tương đương 92% sản lượng năm 2015.

### 2.1.2 Cây công nghiệp lâu năm

Tổng diện tích tăng từ 34.850,4ha năm 2015, lên 182, lên 37.582,6ha năm 2020, tăng 2.732,2ha. Trong đó, cà phê, hồ tiêu, cao su và điều được xác định là sản phẩm chủ lực cấp tỉnh.

*Hình: diện tích một số cây công nghiệp lâu năm(ha).*

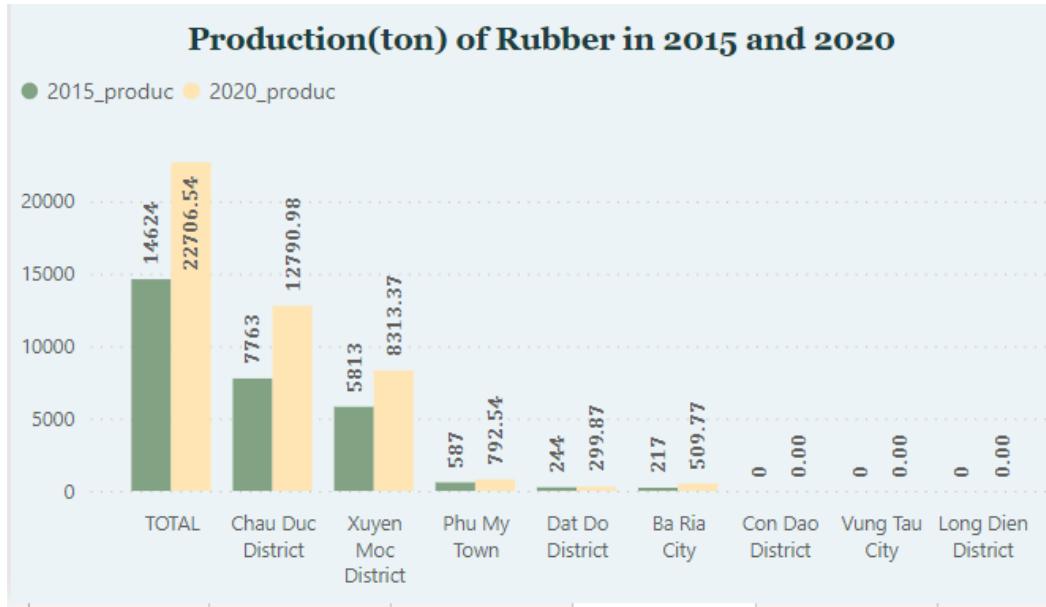


### a) Cao su

- Cây cao su: Là cây trồng chủ lực số một của tỉnh về cả diện tích và sản lượng. Cao su có diện tích tăng nhanh trong giai đoạn 2015-2020, riêng huyện Côn Đảo, Long Điền và thành phố Vũng Tàu không trồng cây Cao su.

Sản lượng Cao su năm 2020 đạt 22.706 tấn, tăng 8.082 tấn so với năm 2015 (14.624 tấn). Cây cao su được trồng tập trung nhiều nhất ở hai huyện Châu Đức và Xuyên Mộc. Tổng sản lượng Cao su của hai huyện này năm 2020 là 21.104 tấn chiếm gần 93% tổng sản lượng Cao su của cả tỉnh.

*Hình:sản lượng cây Cao su theo huyện năm 2015 và 2020*

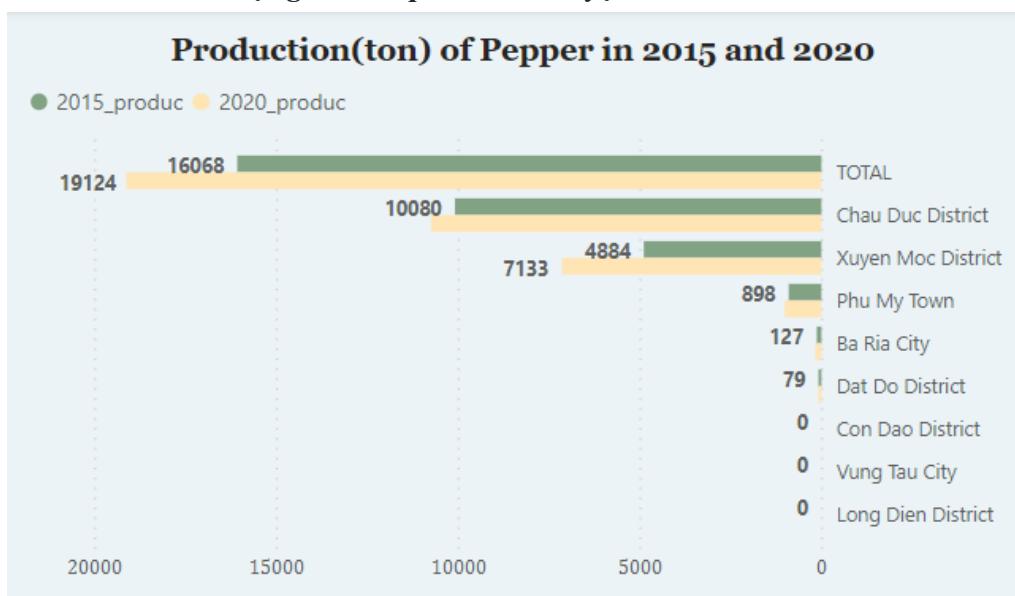


### b) Hồ tiêu

- Cây hồ tiêu: Là cây trồng chủ lực có quy mô về diện tích gieo trồng và sản lượng thứ hai của tỉnh, hồ tiêu là loại cây có sản lượng tăng cao nhất trong 4 loại cây công nghiệp lâu năm chủ lực.

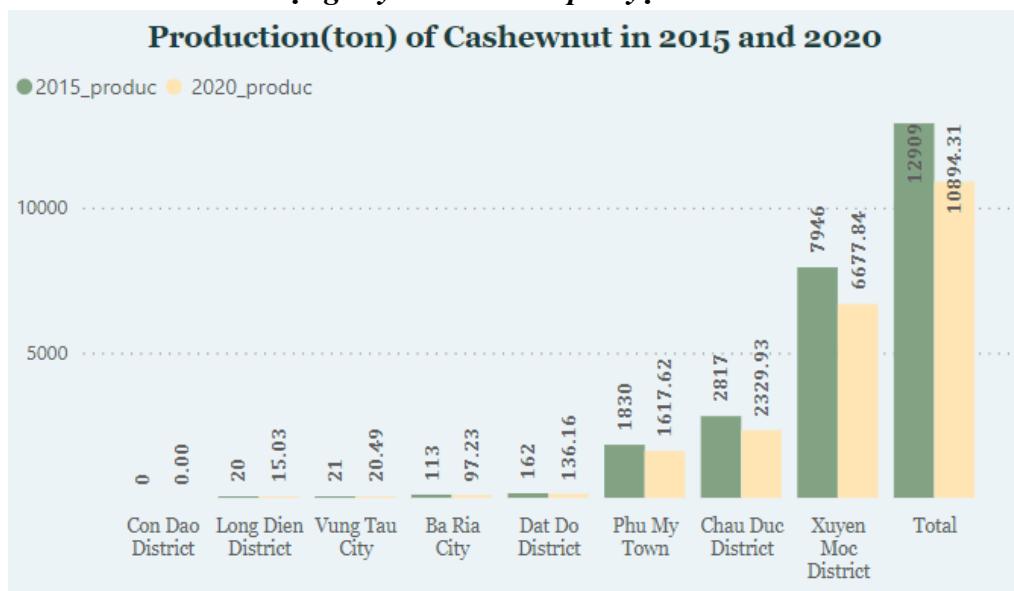
Sản lượng hồ tiêu toàn tỉnh năm 2020 đạt 19.124 tấn tăng 3.056 tấn so với năm 2015 với tốc độ tăng trưởng trong 5 năm là 3,5%. Cây hồ tiêu phân bố tập trung ở hai huyện Châu Đức và Xuyên Mộc chiếm 90% sản lượng hồ tiêu toàn tỉnh, riêng huyện Côn Đảo, huyện Long Điền và thành phố Vũng Tàu không trồng cây hồ tiêu.

*Hình: Sản lượng hồ tiêu phân theo huyện năm 2015 và 2020*



### c) Cây điều

**Hình: Sản lượng cây Điều theo cấp huyện năm 2015 và 2020.**



- Điều là cây trồng chủ lực đứng thứ 3 của tỉnh tuy nhiên những năm gần đây diện tích và sản lượng cây Điều liên tục giảm. Diện tích gieo trồng năm 2015 là 9.281 ha đến năm 2020 chỉ còn 8.386 ha, giảm 9,6% diện tích gieo trồng Trong những năm qua, các loại cây này gặp nhiều khó khăn trong sản xuất do giá cả, năng suất bấp bênh, điều này đã khiến nhiều nông dân nản lòng dẫn đến chặt bỏ hoặc bỏ bê không chăm sóc.

Cùng với sự sụt giảm về diện tích, sản lượng cây Điều của tỉnh cũng giảm 15,6% từ 12.909 tấn năm 2015 xuống còn 10.849 tấn năm 2020.

Cây Điều phân bố hầu hết ở các huyện tên địa bàn tỉnh ngoại trừ huyện Côn Đảo. Xuyên mộc là huyện có sản lượng Điều cao nhất tỉnh, năm 2020 đạt 6.678 tấn, chiếm 61% sản lượng Điều cả tỉnh.

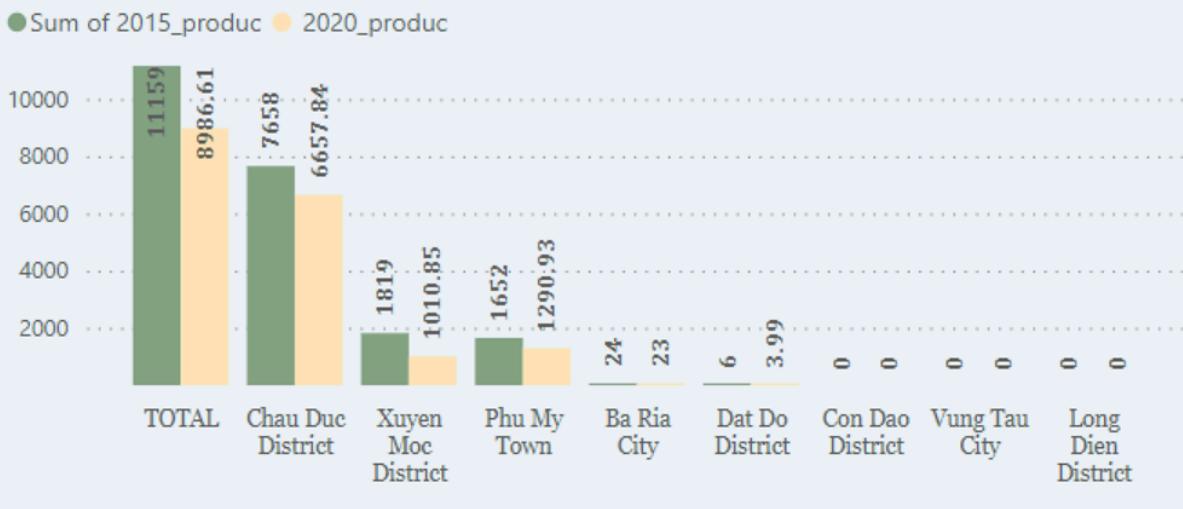
### d) Cây cà phê

- Cây cà phê: là cây công nghiệp lâu năm có quy mô thứ 4 của tỉnh BRVT xét về diện tích và sản lượng. Tuy nhiên trong giai đoạn 2015-2020 diện tích và sản lượng cà phê giảm khá đáng kể. Năm 2015 diện tích cà phê trên địa bàn tỉnh là 5.827ha nhưng đến năm 2020 chỉ còn 4.507 ha, giảm 23%. Cây cà phê chỉ được trồng rải rác ở một số huyện, trong đó Châu Đức là huyện có diện tích gieo trồng lớn nhất với 3.565 ha.

Sản lượng cà phê toàn tỉnh năm 2015 đạt 11.159 tấn đến năm 2020 giảm đáng kể xuống còn 8.987 tấn, giảm 19,5%. Châu Đức là huyện có sản lượng cà phê lớn nhất tỉnh với sản lượng năm 2020 đạt 6.658 tấn, chiếm 74% sản lượng cà phê tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

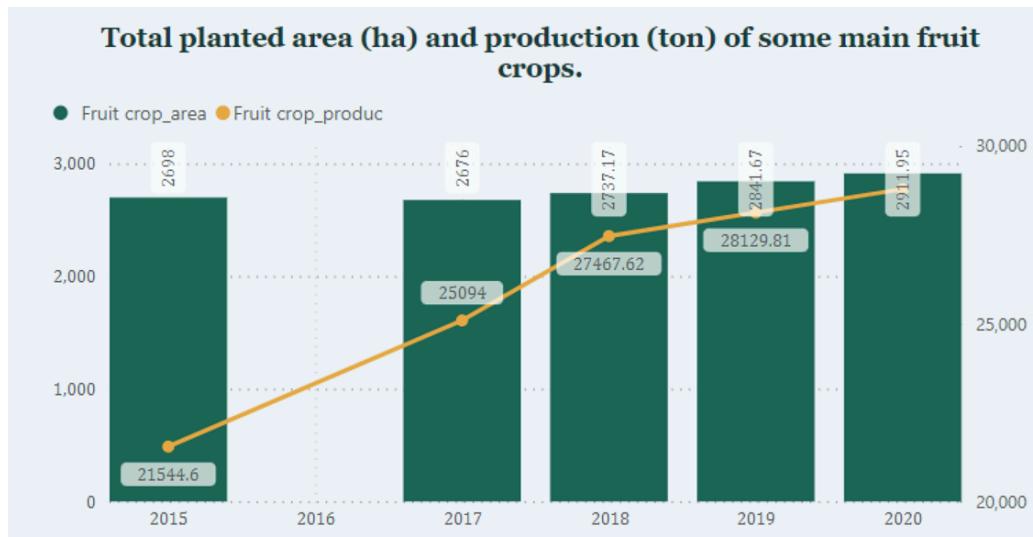
*Hình: Sản lượng cà phê theo huyện năm 2015 và 2020.*

### Production(ton) of coffee in 2015 and 2020



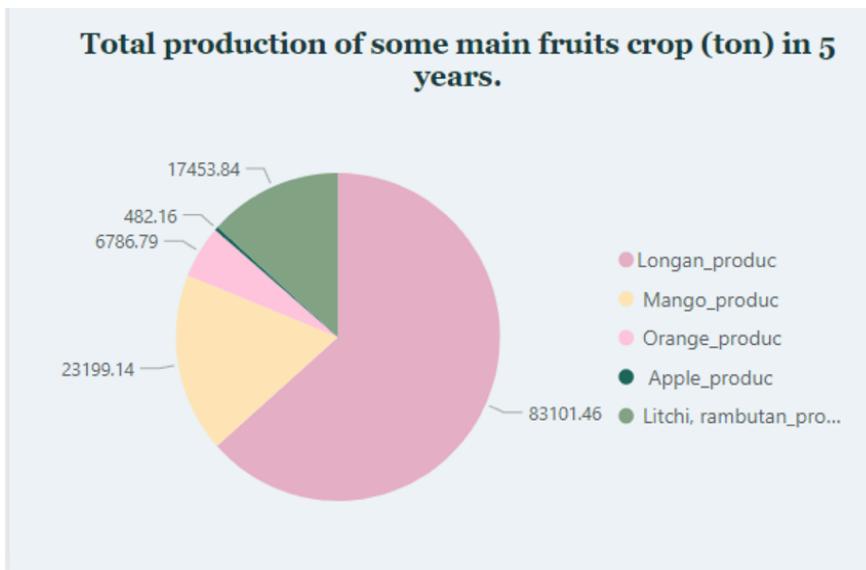
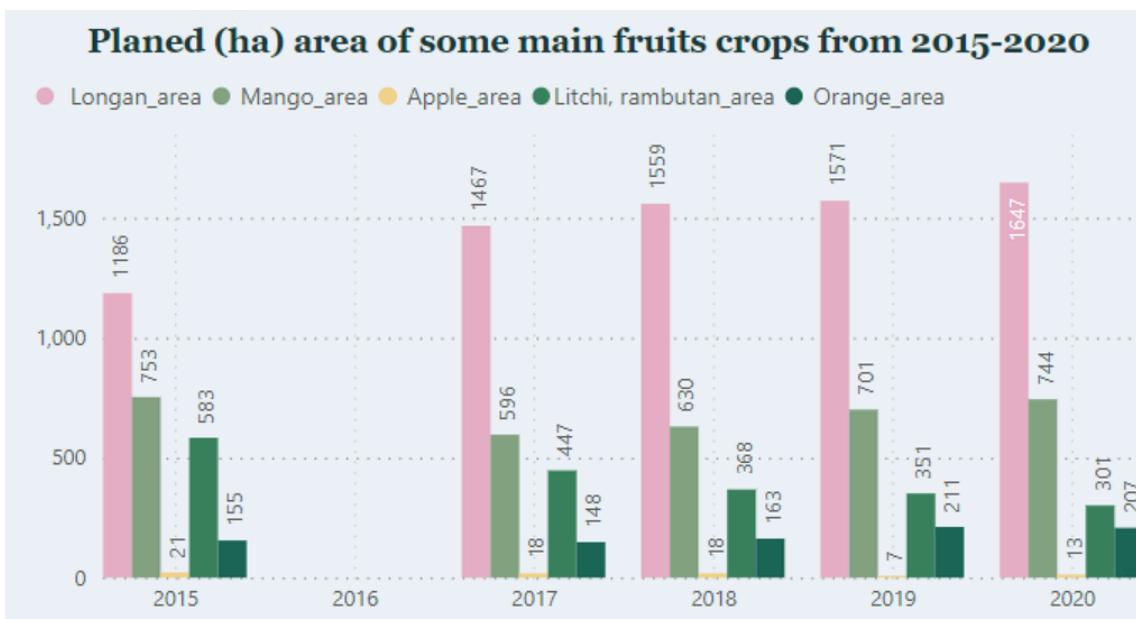
#### 2.1.3 Cây ăn quả lâu năm

*Hình: Tổng diện tích và sản lượng một số loại cây ăn quả chủ lực giai đoạn 2015-2020*



Đây là nhóm cây có diện tích và sản lượng tăng nhanh trong 5 năm gần đây, đến năm 2020 đạt 2911 ha, tăng gần 3 ngàn ha so với năm 2015. Tổng sản lượng năm 2015 chỉ 21.545 tấn đến năm 2020 đạt 28.787 tấn tăng 34%, chủ yếu nhờ thị trường rau quả xuất khẩu và trong nước thuận lợi, công nghiệp chế biến phát triển.

*Hình: Diện tích gieo trồng một số cây ăn quả chủ lực*



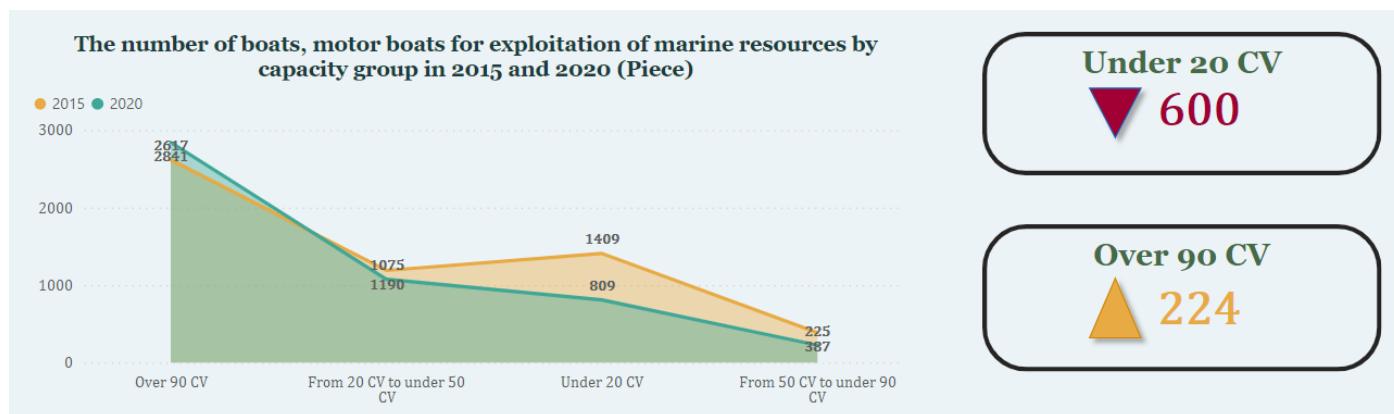
*Hình: Tổng sản lượng giai đoạn 2015-2020 một số loại cây ăn quả chủ lực.*

- Cây nhãn: là loại cây ăn trái có diện tích tăng nhanh và cao nhất tỉnh.. Diện tích trồng nhãn năm 2020 là 1.647 ha tăng 461 ha so với năm 2015 1.184ha, tổng sản lượng nhãn của tỉnh trong giai đoạn 2015-2020 đạt 83.101 tấn. Với các giống như nhãn xuồng cơm vàng, uồng bao công, nhãn bắp cải,... được thị trường ưa chuộng nên diện tích và sản lượng liên tục tăng lên trong năm gần đây.
- Cây Xoài: Ngoài chuyên trồng để bán ra thị trường, cây xoài còn được nhiều hộ gia đình trồng tại nhà. Diện tích cây xoài năm 2015 là 753 ha, đến năm 2020 giảm nhẹ còn 744 ha, sản lượng trong 5 năm qua đạt 23.199 tấn đứng thứ hai về sản lượng các cây ăn quả của tỉnh.

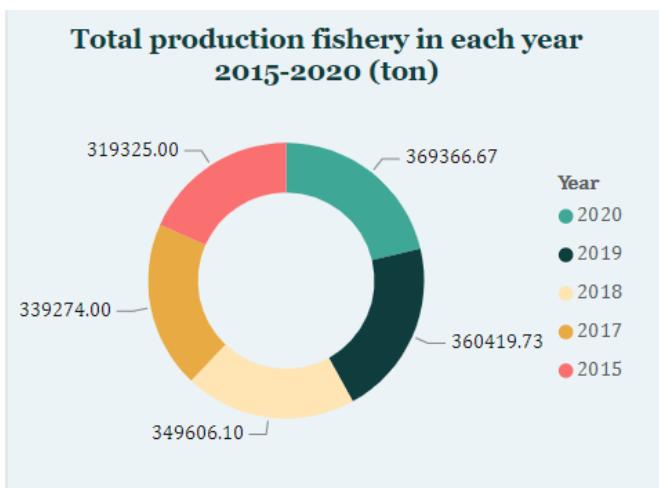
- Cây cam: có diện tích gieo trồng nhỏ, tuy nhiên trong những năm gần đây diện tích có xu hướng tăng đáng kể, năm 2015 diện tích là 155 ha đến năm 2020 đạt 207 ha tăng 33%. Tổng sản lượng trong 5 năm là 6.787 tấn.
- Cây táo: diện tích gieo trồng liên tiếp giảm trong giai đoạn 5 năm từ 21ha năm 2015 xuống 13ha năm 2020, là loại cây chủ lực có diện tích trồng nhỏ nhất tỉnh. Sản lượng qua 5 năm đạt 482 tấn.
- Cây vải, chôm chôm: với sự thích hợp của thổ nhưỡng và thời tiết, vải và chôm chôm cũng là hai trong số cây ăn quả chủ lực của tỉnh, với sản lượng trong giai đoạn 5 năm đạt 17.454 tấn trong khi diện tích gieo trồng giảm từ 583ha năm 2015 xuống còn 301ha năm 2020

## 2.2 Thủy sản

**Hình: số lượng tàu, thuyền có động cơ khai thác hải sản theo nhóm công suất trong năm 2015 và 2020**

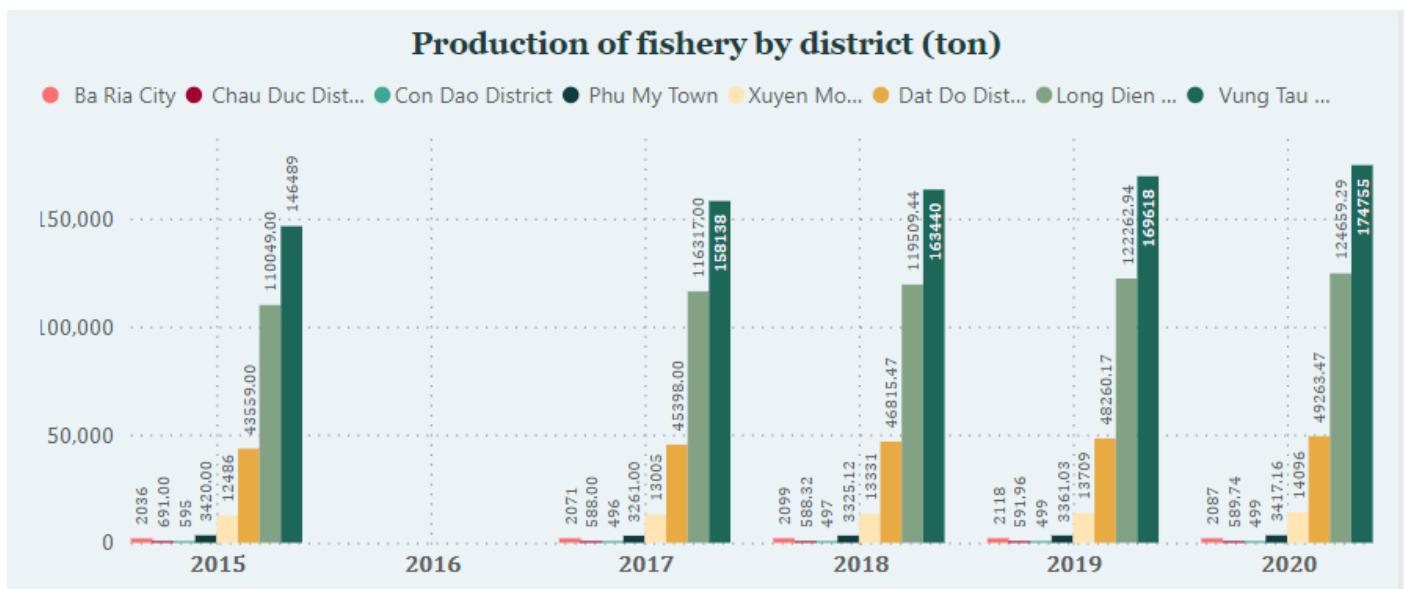


Tổng số tàu cá của tỉnh có chiều hướng giảm xuống theo quy hoạch, cụ thể tổng số tàu cá đến năm 2020 là 4950 chiếc, giảm 653 chiếc so với năm 2015. Trong khai thác đã chuyển mạnh sang ngư trường đánh bắt xa bờ, số tàu khai thác xa bờ năm 2020 là 2.841 chiếc, tăng 224 chiếc với công suất trên 90cv so với năm 2015, chiếm 57% tổng số tàu cá, song song đó thì số lượng tàu với công suất dưới 20cv giảm 600 chiếc để giảm những nghề khai thác gần bờ, tránh gây suy kiệt nguồn lợi thuỷ sản.



**Hình: Tổng sản lượng đánh bắt hải sản hàng năm của tỉnh giai đoạn 2015-2020.**

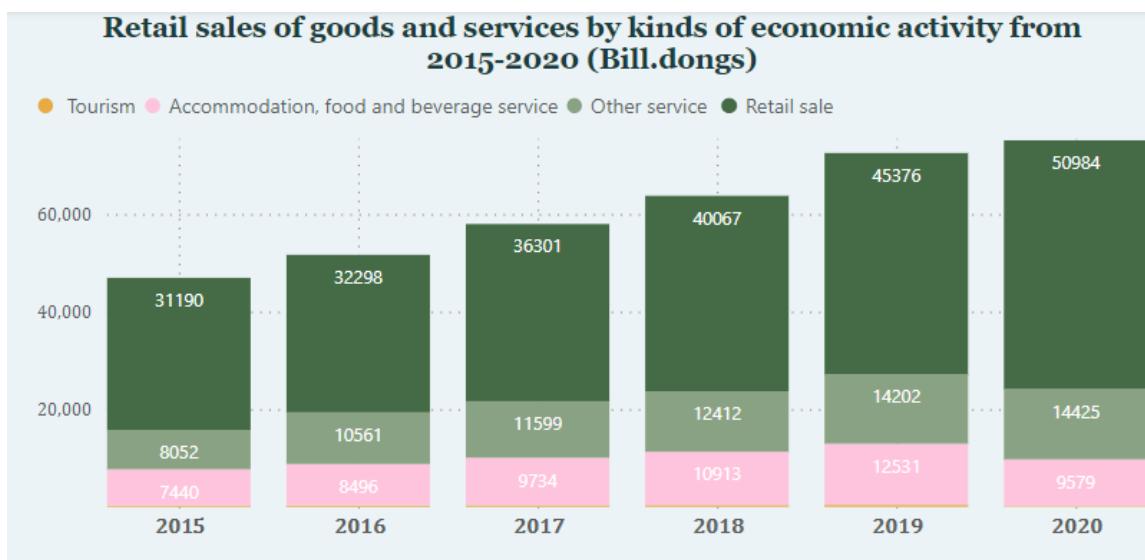
*Hình: Sản lượng khai thác hải sản theo huyện giai đoạn 2015-2020*



Sản lượng hải sản khai thác được trên địa bàn tỉnh đều tăng đều qua các năm. Riêng năm 2020 là 369.367 tấn, cao hơn năm 2015 50.042 tấn, chiếm 15,7%. Thành phố Vũng tàu là địa phương có sản lượng khai thác cao nhất tỉnh, sản lượng năm 2020 đạt 174.755 tấn, chiếm 47% sản lượng khai thác hải sản của tỉnh. Huyện Long Điền là một trong các huyện có sản lượng khai thác hải sản tăng cao nhất tỉnh với sản lượng năm 2015 là 110.049 tấn đến năm 2020 đạt 124.459 tấn, tăng 14.410 tấn, chiếm 13,1%. Các huyện còn lại có sản lượng đánh bắt nhỏ tuy nhiên sản lượng có tăng trong giai đoạn 5 năm

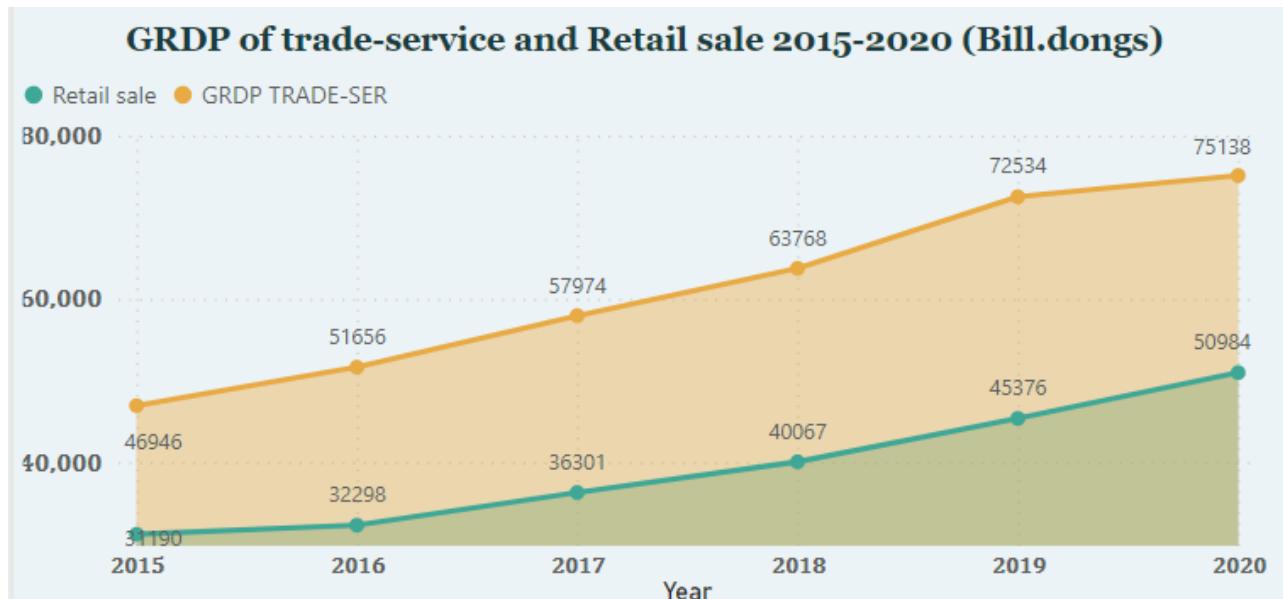
### 2.3 Thương mại - dịch vụ

*Hình: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành phân theo ngành kinh doanh giai đoạn 2015-2020*

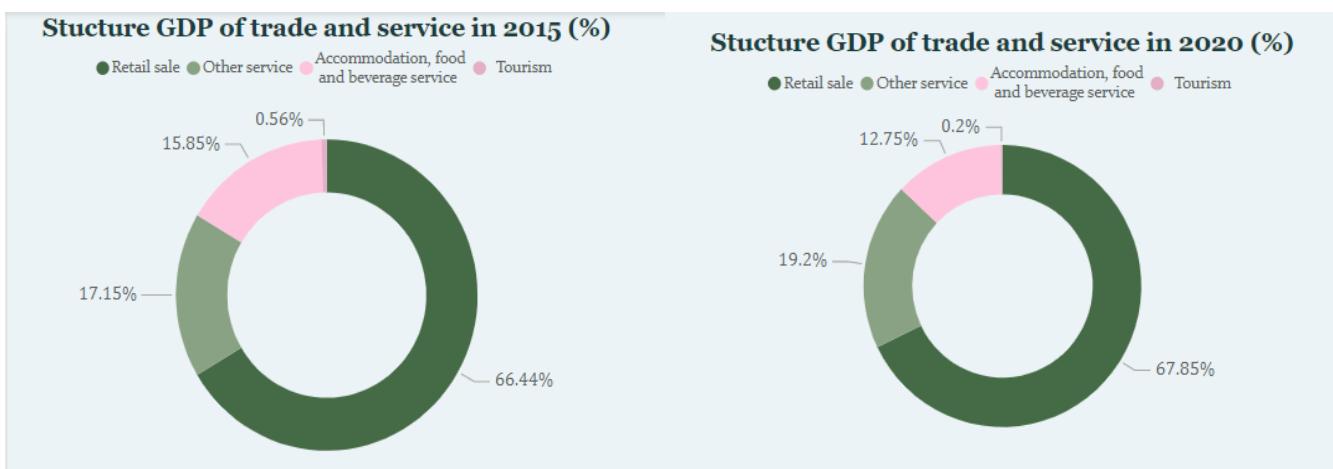


Ngành thương mại, dịch vụ được tỉnh chú trọng phát triển nên tăng trưởng bình quân tăng đều, ổn định qua các năm, cơ bản , bình quân thời kỳ 2015 - 2020 đạt 9,86%/năm. Tổng giá trị GDP ngành thương mại dịch vụ của tỉnh năm 2020 đạt 75.137 tỷ VND tăng 28.191 tỷ VND so với năm 2015. Trong đó ngành Bán lẻ luôn đóng góp trên một nửa GDP thương mại – dịch vụ toàn tỉnh.

**Hình: Tổng giá trị thương mại-dịch vụ và giá trị ngành bán lẻ tỉnh BRVT giai đoạn 2015-2020**



**Hình: Cơ cấu GDP tỉnh BRVT theo ngành kinh doanh năm 2015-2020.**

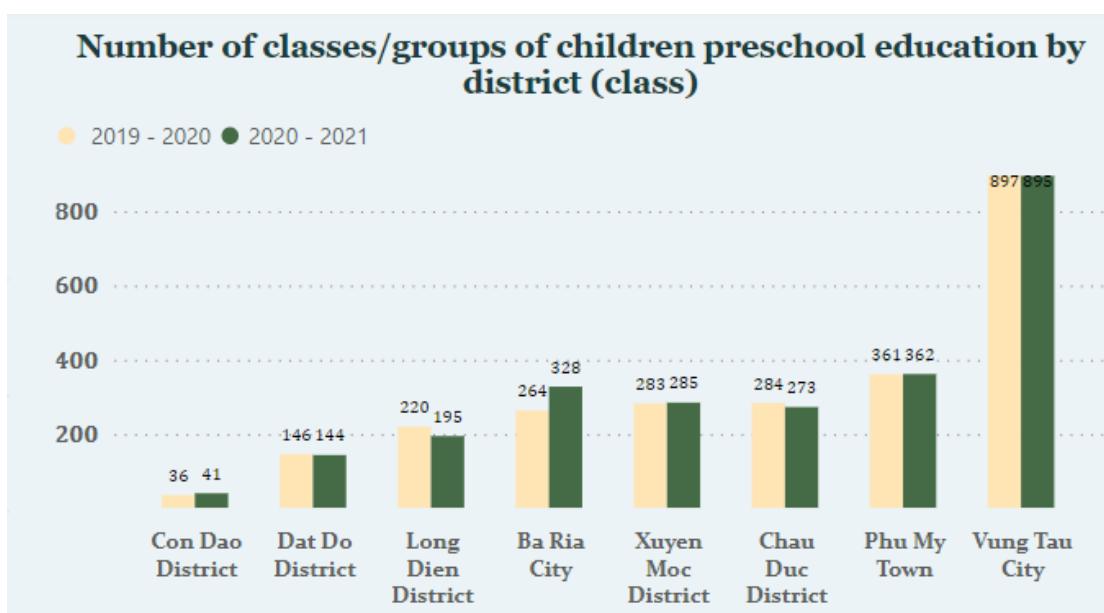


Cơ cấu các hoạt động thương mại và dịch vụ chuyển dịch chậm, trong đó hoạt động bán lẻ chiếm tỉ trọng lớn và tăng nhẹ từ 66,44% năm 2015, lên 67,85% năm 2020. Dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm tỷ trọng cao trong giá trị GRDP của hoạt động thương mại - dịch vụ năm 2015 nhưng đến năm 2020 cơ

cáu ngành này giảm 3,1% xuống còn 12,75%. Tuy nỗi tiếng có thành phố du lịch Vũng tàu nhưng ngành Du lịch,lữ hành chỉ đóng góp cho tỉnh 0,56% GDP năm 2015 và giảm hơn một nửa xuống còn 0,2% năm 2020 chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch covit. Ngoài ra những Dịch vụ khác có đóng góp khá lớn và GDP thương mại dịch vụ của tỉnh, năm 2015 đóng góp 17,5% và tăng lên 19,2% năm 2020.

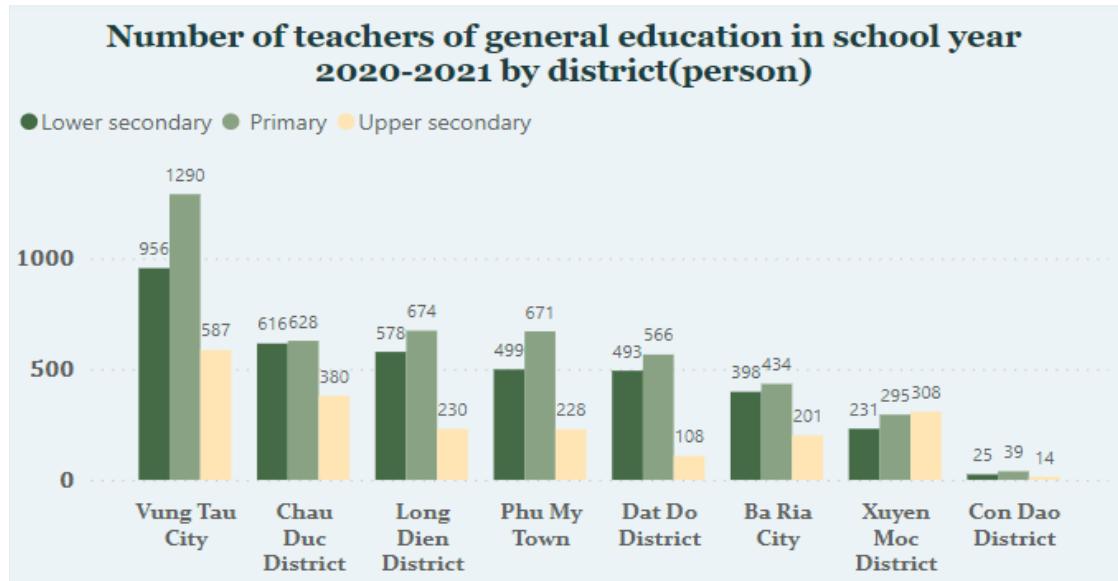
### 3. Thực trạng phát triển đô thị, nông thôn, phát triển lĩnh vực văn hóa – xã hội, phát triển hạ tầng và kết nối phát triển

*Hình: Số lớp/nhóm trẻ mầm non phân theo huyện/thành phố thuộc tỉnh*

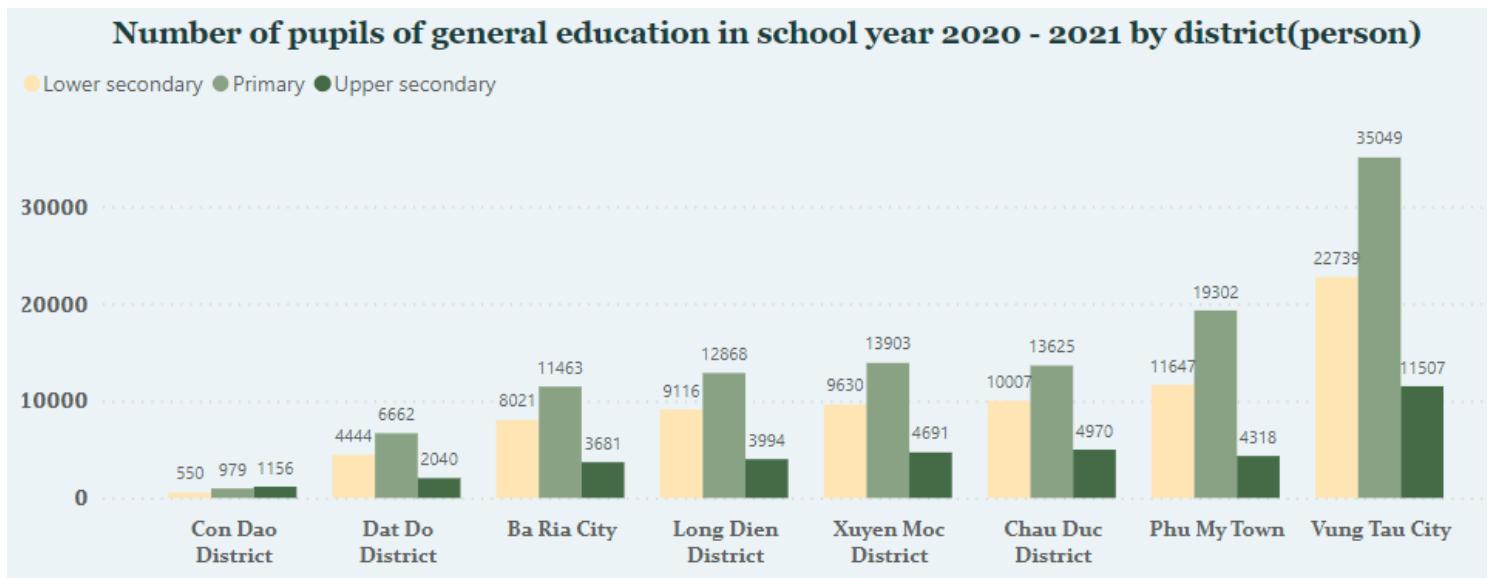


Thành phố Vũng Tàu là địa phương có số lượng lớp mầm non cao nhất tỉnh với 895 lớp năm 2020-2021 vì đây cũng là thành phố lớn nhất tỉnh, có mật độ dân cư dày. Địa phương có số lớp thấp nhất là huyện Côn Đảo với chỉ 41 lớp mầm non năm 2020 thấp hơn thành phố Vũng Tàu 854 lớp.

**Hình: Số giáo viên phổ thông năm học 2020-2021 phân theo huyện/thành phố thuộc tỉnh**

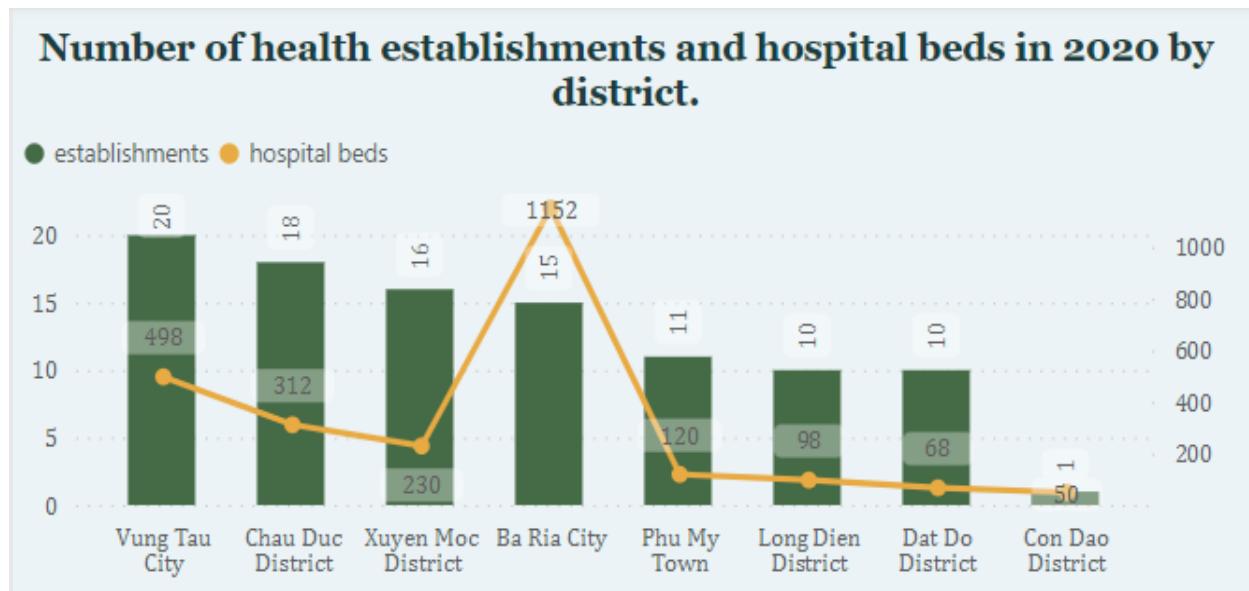


**Hình: Số học sinh phổ thông năm học 2020-2021 phân theo huyện/thành phố thuộc tỉnh**

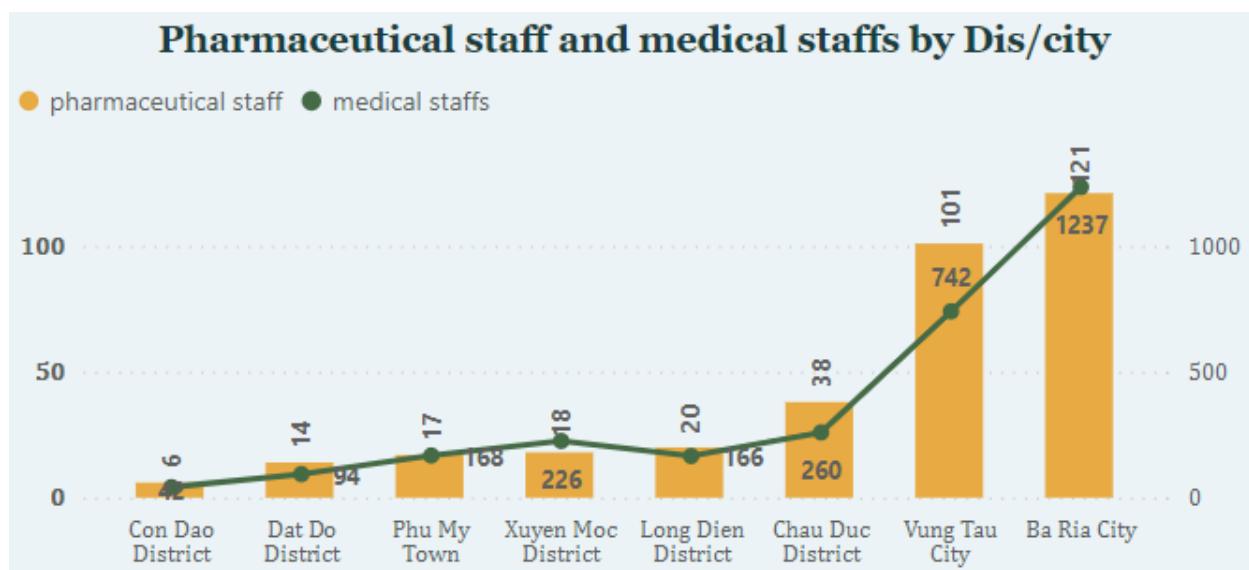


Tỉnh BRVT luôn chú trọng vào giáo dục, thành phố Vũng Tàu là địa phương được đầu tư về giáo dục nhiều nhất, số lượng nhân lực ngành giáo dục luôn sẵn sàng đáp ứng số lượng học sinh tăng lên mỗi năm. Riêng huyện Côn Đảo có tỉ lệ giáo viên trên học sinh là khá thấp, mong thời gian tới tỉnh sẽ có những biện pháp kịp thời bổ sung giáo viên cho huyện đảo này.

*Hình: Số cơ sở y tế và số giường bệnh năm 2020 phân theo huyện/thành phố thuộc tỉnh*

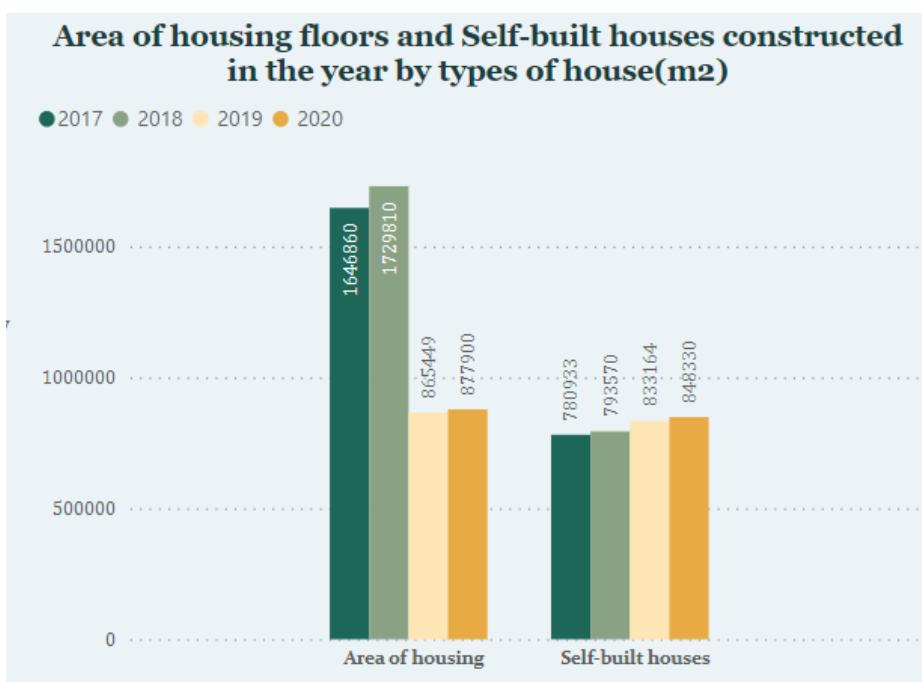
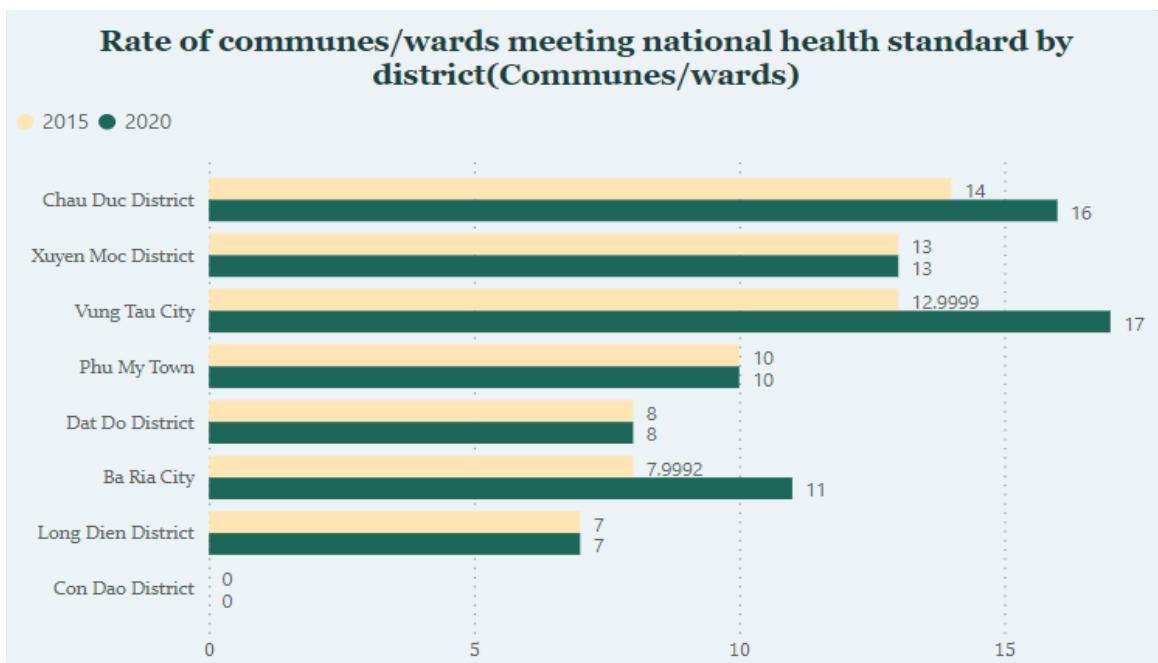


*Hình: Số nhân lực ngành y dược năm 2020 phân theo huyện/thành phố thuộc tỉnh*



Thành phố Bà Rịa luôn dẫn đầu tỉnh về điều kiện cơ sở vật chất và nhân lực ngành y tế với số lượng giường bệnh năm 2020 là 1.152 cái, cao hơn thành phố Vũng Tàu - địa phương có 20 cơ sở y tế 654 cái. Cùng với đó số nhân lực ngành y và ngành dược cũng tập trung nhiều nhất về thành phố Bà Rịa với 1.237 nhân lực trong ngành y và 121 nhân lực ngành dược. Huyện Côn Đảo là địa phương được phân bổ ít nhất về điều kiện chữa trị y tế, tỉnh nên có những chính sách đầu tư và thu hút nhân lực y tế để bà con huyện đảo được đáp ứng kịp thời nhu cầu chữa bệnh.

*Hình: Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã phân theo huyện/thành phố thuộc tỉnh*



*Hình: Diện tích sàn xây dựng nhà ở và diện tích nhà tự xây, tự ở hoàn thành trong năm của hộ dân cư.*

Diện tích sàn xây dựng nhà ở xây dựng của toàn tỉnh qua các năm chủ yếu đến từ nhà tự xây, tự ở hoàn thành trong năm của hộ dân cư.